

Số: 21A/2021/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 07 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 ngày 10 ngày 2021 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn X. Sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lương Thị B. Sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản T1, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn X và chị Lương Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Anh Lò Văn X và chị Lương Thị B nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh X và chị B có 02 con chung là cháu Lò Đăng N, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Lò Thị Phương U, sinh ngày 16/03/2016. Anh chị thỏa thuận thống nhất: Anh Lò Văn X là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Đăng N đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lương Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh X do anh X không yêu cầu; Chị Lương Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị Phương U đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lò Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh X và chị B được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Anh X và chị B xác nhận đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết tại thời điểm ly hôn. Nếu sau này phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu của người thứ ba thì Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

e. Về án phí: Anh Lò Văn X nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001225 ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga

